

CHỦ ĐỀ 3: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI KÌ CỔ - TRUNG ĐẠI
BÀI 4: KHÁI NIỆM VĂN MINH. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG ĐÔNG
THỜI KÌ CỔ-TRUNG ĐẠI (t1)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Giúp HS nắm được:

- Giải thích được khái niệm văn minh.
- Phân biệt được khái niệm văn minh, văn hoá.
- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh cổ đại phương Đông.
- Nêu được thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ai Cập về chữ viết, khoa học tự nhiên, kiến trúc, điêu khắc.

2. Năng lực

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt
- + Biết khai thác và vận dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học theo sự hướng dẫn của GV.
- + Biết sưu tầm, tìm kiếm các tư liệu liên quan đến bài học để thực hiện các hoạt động, luyện tập thực hành vận dụng, liên hệ thực tế.

- Năng lực số:

+ 1.2.NC1b: Tiến hành đánh giá được các dữ liệu, thông tin và nội dung số khác nhau.

+ 2.4.NC1a: Đề xuất được các công cụ và công nghệ số khác nhau cho các quá trình hợp tác.

3. Phẩm chất: Bồi dưỡng cho HS

- Biết trân trọng giá trị, có nhận thức và hành động góp phần bảo tồn và phát huy các di sản, giá trị văn minh nhân loại.
- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Khách quan trung thực chăm chỉ có ý thức tìm tòi khám phá lịch sử

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC – HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- KHBD theo định hướng phát triển năng lực học sinh
- Một số tư liệu có liên quan.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

III. Tiến trình dạy - học:

Hoạt động 1. Khởi động

a. Mục tiêu: Giúp khơi gợi tính tò mò của HS. Sau đó đưa học sinh vào tìm

b. Nội dung: Sản phẩm HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- GV cho HS xem video AI về một số nền văn minh và yêu cầu HS nêu tên các nền văn minh vừa được tham quan trong video

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức**1. Khái niệm văn minh****a. Mục tiêu:**

- Giải thích được khái niệm văn minh
- Phân biệt được khái niệm văn minh, văn hoá.

b. Nội dung: Sản phẩm HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS Lớp chia thành 8 nhóm: Hoàn thành nhiệm vụ học tập sau 	1. Khái niệm văn minh - Văn minh là sự tiến bộ về vật chất và tinh thần của xã hội loài người; là trạng thái phát triển cao của nền văn hoá, khi xã hội loài người vượt qua trình độ của thời kì dã man	+ 1.2.NC1b: Tiến hành đánh giá được các dữ liệu, thông tin và nội dung số khác nhau. + 2.4.NC1a: Đề xuất được các công cụ và công nghệ số khác nhau cho các quá trình hợp tác.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. - GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập GV cung cấp tư liệu VĂN HÓA Văn hóa là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử. Văn hóa vật chất Cổ đồ Huế Văn Miếu – Quốc Tử Giám Trống đồng Đông Sơn Văn hóa tinh thần Hát Quan họ Nhà nhạc cung đình Huế Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương Phong tục Tết Nguyên VĂN HÓA = VẬT CHẤT + TINH THẦN KHÁI NIỆM VĂN MINH Văn minh là trình độ phát triển cao của một nền văn hóa, thể hiện qua những thành tựu nổi bật về kinh tế, chính trị, khoa học – kĩ thuật, chữ viết, kiến trúc, nghệ thuật và đời sống xã hội. VÍ DỤ TIÊU BIỂU 1 Văn minh Ai Cập cổ đại 2 Văn minh Lưỡng Hà 3 Văn minh Ấn Độ cổ đại 4 Văn minh Trung Hoa 5 Văn minh Hy Lạp – La Mã														
Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động - HS lần lượt trả lời các câu hỏi - HS khác nhận xét và bổ sung (nếu có) Sản phẩm dự kiến <table><tr><th>Tiêu chí</th><th>Văn hoá</th><th>Văn minh</th></tr><tr><td>Khái niệm</td><td>Tổng thể giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo</td><td>Sự tiến bộ về vật chất và tinh thần; trạng thái phát triển cao của văn hoá</td></tr><tr><td>Biểu hiện</td><td>Phong tục, tập quán, trang phục, nhà ở, tín ngưỡng</td><td>Nhà nước, đô thị, chữ viết, tổ chức xã hội, kĩ thuật</td></tr><tr><td>Vai trò</td><td>Tạo bản sắc xã hội</td><td>Thể hiện trình độ phát triển cao của xã hội</td></tr></table> Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.	Tiêu chí	Văn hoá	Văn minh	Khái niệm	Tổng thể giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo	Sự tiến bộ về vật chất và tinh thần; trạng thái phát triển cao của văn hoá	Biểu hiện	Phong tục, tập quán, trang phục, nhà ở, tín ngưỡng	Nhà nước, đô thị, chữ viết, tổ chức xã hội, kĩ thuật	Vai trò	Tạo bản sắc xã hội	Thể hiện trình độ phát triển cao của xã hội		
Tiêu chí	Văn hoá	Văn minh												
Khái niệm	Tổng thể giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo	Sự tiến bộ về vật chất và tinh thần; trạng thái phát triển cao của văn hoá												
Biểu hiện	Phong tục, tập quán, trang phục, nhà ở, tín ngưỡng	Nhà nước, đô thị, chữ viết, tổ chức xã hội, kĩ thuật												
Vai trò	Tạo bản sắc xã hội	Thể hiện trình độ phát triển cao của xã hội												

2. Một số nền văn minh phương Đông thời cổ – trung đại

a. Mục tiêu:

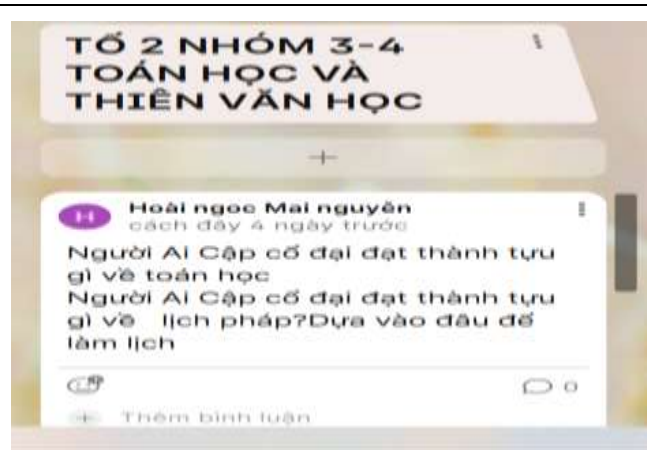
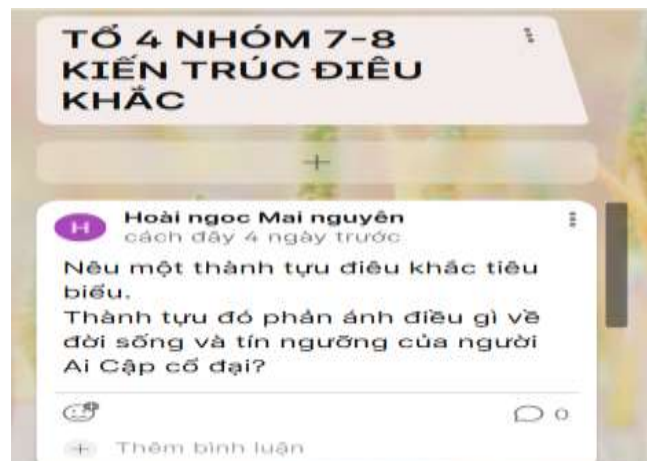
- Nêu được thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ai Cập về chữ viết, khoa học tự nhiên, kiến trúc, điêu khắc.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin SGK

c. Sản phẩm: HS xem SGK và tiếp thu kiến thức

d. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến	NLS
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập Nhiệm vụ 1: Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập cổ đại Làm việc cá nhân trả lời nhiệm vụ học tập sau:  Nhiệm vụ 2: GV chia làm 8 nhóm (nhỏ) mỗi nhóm 1 chiếc điện thoại HS truy cập vào ứng dụng padlet trả lời các câu hỏi về thành tựu văn minh Ai Cập sau đó chia sẻ lên padlet Nhóm 1-2  Nhóm 3-4	2. Một số nền văn minh phương Đông thời cổ – trung đại a. Những thành tựu tiêu biểu của văn - Nền văn minh Ai Cập đã đạt được nhiều thành tựu trên nhiều lĩnh vực - Những thành tựu của Ai Cập cổ đại đã chứng tỏ sự phát triển rực rỡ của nền văn minh này, đồng thời đặt nền móng cho sự phát triển trên nhiều lĩnh vực của văn minh nhân loại.	+2.4.NC1a: HS đề xuất và lựa chọn được công cụ số phù hợp để các thành viên cùng hợp tác, chia sẻ và xây dựng nội dung. +1.2.NC1b: HS bước đầu so sánh, lựa chọn nguồn thông tin số phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ. + 2.4.NC1a: HS phối hợp với các thành viên thông qua công cụ số để cùng chỉnh sửa và hoàn thiện nội dung.

**Nhóm 5-6****Nhóm 7-8****Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập

GV

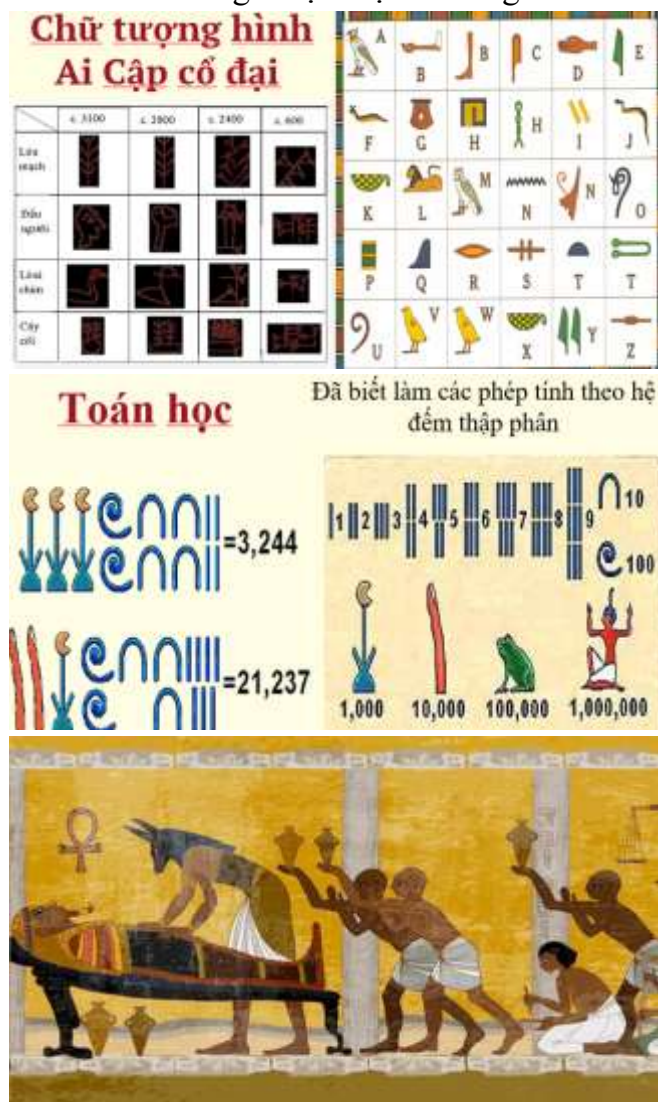
- Khuyến khích HS truy cập Internet kết hợp khai thác SGK để tìm hiểu những thành tựu

tiêu biểu của Ai Cập

- Gợi ý HS lựa chọn công cụ số phù hợp (Google Docs, Microsoft Word Online, Padlet, OneDrive...) để cùng thu thập, chia sẻ và tổng hợp thông tin.

HS thực hiện

- Thảo luận lựa chọn công cụ số để làm việc nhóm.
- Truy cập Internet tìm kiếm tư liệu.
- Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên



Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi
- HS khác nhận xét và bổ sung (nếu có)

Dự kiến sản phẩm

Nhiệm vụ 1:



Nhiệm vụ 2:



Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.
- GV chốt lại nội dung toàn bài

Hoạt động 3. Luyện tập

- Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức
- Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi.
- Tổ chức thực hiện**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

GV mời HS tham gia trò chơi



Câu 1: Nền văn minh nào dưới đây ra đời sớm nhất trên thế giới

- A. Trung Quốc
- B. Ấn Độ
- C. Hy Lạp
- D. Ai Cập

Câu 2: Văn hóa là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do loài người sáng tạo ra

- A. Sau khi có chữ viết
- B. Mang nét đặc trưng của một cộng đồng người
- C. Trong tiến trình lịch sử
- D. Trong giai đoạn phát triển cao của xã hội

Câu 3: Văn minh là trạng thái tiến hóa, phát triển cao của nền văn hóa

- A. Qua một quá trình lịch sử-văn hóa lâu dài
- B. Trong suốt tiến trình phát triển của lịch sử
- C. Khi bắt đầu hình thành xã hội loài người
- D. Có bề dày lịch sử và mang tính dân tộc

Câu 4: Khác với văn minh, văn hóa thường có

- A. Trình độ phát triển cao, mang tầm vóc quốc tế
- B. Những giá trị sáng tạo ở trình độ cao nhất
- C. Tính sáng tạo cao, thúc đẩy văn minh phát triển
- D. Bề dày lịch sử và mang tính dân tộc

Câu 5: Chữ viết Ai Cập cổ đại ra đời do nhu cầu gì?

- A. Cúng tế các vị thần linh
- B. Tiến hành nghi thức tôn giáo
- C. Nhu cầu SX nông nghiệp
- D. Ghi chép và lưu trữ tri thức

Câu 6: Người Ai Cập viết chữ trên nguyên liệu gì

- A. Giấy pa-pi-rút
- B. Lụa
- C. Đất sét
- D. Thợ tre

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: HS trình bày

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	D	D	D	A	A

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b. Nội dung:

+ Phát vấn

+ Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

Vì sao nói thành tựu của Ai Cập cổ đại góp phần đặt nền móng cho văn minh nhân loại?

Tích hợp giáo dục AI (10.C3.2 & 10.A1.2): GV hướng dẫn học sinh nhiệm vụ sử dụng chatbot AI:

+ **Hướng dẫn đặt prompt (10.C3.2):** Học sinh cần viết câu lệnh rõ ràng có vai trò và mục tiêu cụ thể. Ví dụ: "Hãy đóng vai một chuyên gia lịch sử thế giới cổ đại. Hãy giải thích ngắn gọn bằng các gạch đầu dòng: Vì sao các phát minh về toán học và lịch pháp của người Ai Cập cổ đại lại được coi là đặt nền móng cho khoa học hiện đại?"

+ **Hướng dẫn kiểm soát thông tin (10.A1.2):** GV nhắc nhở học sinh: "Các chatbot AI thường mắc lỗi 'ảo giác', có thể bịa đặt số liệu hoặc trộn lẫn thành tựu Ai Cập với văn minh Lưỡng Hà hoặc Hy Lạp. Các em bắt buộc phải dùng bút đỏ đối chiếu kết quả của AI với SGK để kiểm soát độ chính xác của tri thức trước khi ghi vào phiếu".

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Học sinh các nhóm thảo luận, sử dụng thiết bị số gửi câu lệnh (prompt) nhóm tự thiết lập đến chatbot AI (**vận dụng 10.C3.2**).

Bước 3: HS trình bày

Đại diện các nhóm lên trình bày kết quả phiếu học tập (làm rõ các đóng góp vĩ đại của văn minh Ai Cập cổ đại đối với nhân loại).

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

GV nhận xét thái độ học tập và chuẩn hóa kiến thức lịch sử về tầm vóc của văn minh Ai Cập cổ đại.

Ngày soạn.....

Ngày dạy.....

Bài 4: KHÁI NIỆM VĂN MINH. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG ĐÔNG THỜI KÌ CỔ-TRUNG ĐẠI (T2)

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ấn Độ về chữ viết, văn học nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo.

2. Năng lực

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Biết cách sưu tầm khai thác và sử dụng tư liệu quy ước, tư liệu hiện vật, tranh ảnh, sơ đồ... để tìm hiểu nền văn minh Ấn Độ thời kì cổ - trung đại

- Năng lực số:

+ NLS 3.1.NC1a: Tạo được nội dung số phục vụ học tập bằng cách kết hợp nhiều dạng dữ liệu (văn bản, hình ảnh, âm thanh, video...) phù hợp với mục đích truyền tải thông tin.

3. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm, góp phần bảo tồn những thành tựu văn minh thế giới

- Nhân ái: Trân quý những cống hiến mang tính tiên phong và bảo vệ nhưng giá trị văn hóa của nhân loại.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- KHBD theo định hướng phát triển năng lực HS

- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10

- Bảng phụ, máy trình chiếu, ...

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Chuẩn bị bài học mới theo sự hướng dẫn của GV ở tiết trước.

III. Tiến trình dạy học:

Hoạt động 1. Khởi động.

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

GV cho HS xem video AI giới thiệu về Ấn Độ và cho HS đoán tên nước



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Hàng năm cứ đến mùa tuyết tan, nước từ dãy núi Hi-ma-lay-a theo sông Ấn và sông Hằng đem phù sa màu mỡ bồi đắp cho những cánh đồng ở Bắc Ấn, Trên lưu vực các con sông này, văn minh Ấn Độ hình thành phát triển và lan tỏa đến nhiều nơi trên thế giới, trong đó có khu vực Đông Nam Á. Chúng ta cùng khám phá các vấn đề trên qua bài học hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2. Một số nền văn minh phương Đông thời cổ – trung đại

*** Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại**

a. Mục tiêu:

- Nêu được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ấn Độ thời kì cổ - Trung đại
- Nêu được ý nghĩa những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ấn Độ thời kì cổ - Trung đại

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến	NLS
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập. Nhiệm vụ 1: Thảo luận nhóm GV cho HS Lớp chia thành 8 nhóm: xem đoạn video và Hoàn thành nhiệm vụ học tập sau  Nhiệm vụ 2: cá nhân  Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. - GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc	2. Một số nền văn minh phương Đông thời cổ – trung đại b. Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại - Nền văn minh Ấn Độ đã đạt được nhiều thành tựu trên nhiều lĩnh vực. - Những thành tựu về khoa học, kĩ thuật của Ấn Độ có đóng góp quan trọng vào kho tàng tri thức nhân loại, tạo nền tảng cho nhiều phát minh về sau.	+ 1.2.NC1b: Tiến hành đánh giá được các dữ liệu, thông tin và nội dung số khác nhau. + 2.4.NC1a: Đề xuất được các công cụ và công nghệ số khác nhau cho các quá trình hợp tác.

GV cung cấp tư liệu hình ảnh

**Đạo Phật:**

Xuất xứ: Ấn Độ

Thời gian ra đời: Thế kỷ 6 trước Công Nguyên

Người sáng lập: Đức Phật Thích Ca lịch sử (xuất thân từ Thái tử Tất-Đạt Đa Cồ-Đàm (Siddhattha Gotama) của vương quốc dòng họ Thích Ca (Sakya).

Chủ thuyết: Tránh làm những điều ác, Làm những điều thiện, Tu dưỡng Tâm trong sạch (kinh Pháp Cú).

Loại tôn giáo: Phổ biến, mở rộng, được truyền bá qua nhiều nước trên thế giới; thuộc về vô-thần, không chủ trương hữu thần, không công nhận có đấng sáng tạo hay thượng đế quyết định số mạng con người; chủ trương về lý nhân-quả.

Những nhánh phái chính: Phật giáo Nguyên thủy (Theravada) và Đại Thừa (Mahayana).

 -Kinh Vệ-đà, hay Phệ-đà (tiếng Phạn: वेद; tiếng Anh: Veda) xem như là cội gốc của giới Bà La Môn và là suối nguồn của nền văn minh Ấn Độ. Veda có nghĩa là "tri thức". Trong kinh có những bản tụng ca đề ca ngợi các vị thần, như thần lửa, thần núi, thần sông... Phần lớn ca tụng những vẻ đẹp huy hoàng, tung bừng và màu nhiệm của cuộc sống trong vũ trụ. 		
--	--	--



Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày và các HS khác bổ sung.

Dự kiến sản phẩm

Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu của Ấn Độ
Tư tưởng, tôn giáo	Hin-đu giáo, Phật giáo
Chữ viết	Chữ Kha-rốt-thi, Bra-mi, San-xcrit
Văn học	Vê-đa, Ma-ha-bha-ra-ta, Ra-ma-y-a-na, Sơ-kun-tơ-la
Nghệ thuật	Chùa, tháp, đền thờ, lăng mộ, cung điện
Khoa học, kỹ thuật	10 chữ số, pi 3,1416, lịch, luyện kim, y học



- Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**
- GV phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.
 - GV chốt lại nội dung toàn bài

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức vừa tìm hiểu.
- b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

Nhiệm vụ 1: Bài tập nối



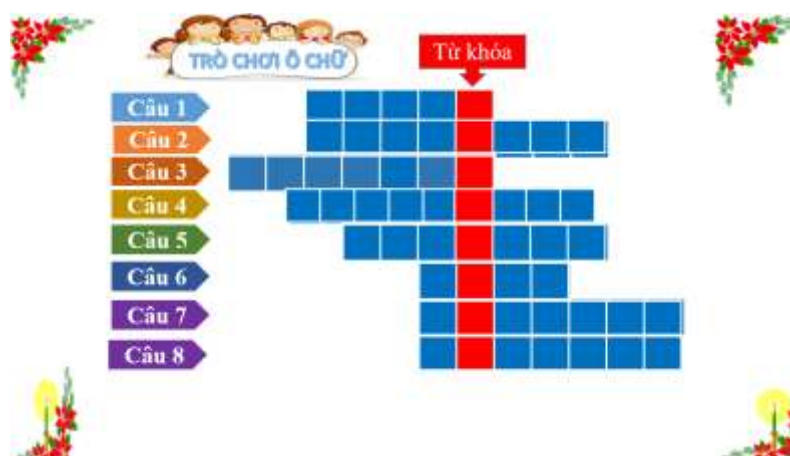
GHÉP THẺ LĨNH VỰC

Điền chữ cái thích hợp vào ô trống để ghép đúng nội dung với lĩnh vực.

NỘI DUNG	
☐	1. Hìn-đu giáo 
☐	2. Bra-mi 
☐	3. Ra-ma-y-a-na 
☐	4. Chùa, tháp Phật giáo 
☐	5. Số pi 3,1416 
☐	6. Phẫu thuật lấy sỏi thận 

LĨNH VỰC	
A	Nghệ thuật 
B	Toán học 
C	Chữ viết 
D	Y – Dược học 
E	Văn học 
F	Tôn giáo 

Nhiệm vụ 2: GV tổ chức trò chơi giải ô chữ



Câu 1: Đất nước được xem là tặng phẩm của sông Nin? (5 chữ cái)

Câu 2: Con sông linh thiêng của người Ấn Độ? (8 chữ cái)

Câu 3: Dãy núi chia đôi Ấn Độ thành hai miền Nam Bắc? (7 chữ cái)

Câu 4: Di sản văn hóa thế giới cổ đại duy nhất còn nguyên vẹn đến ngày nay? (9 chữ cái)

Câu 5: Chế độ xã hội cổ truyền khắc nghiệt của Ấn Độ gắn với Bà La Môn giáo? (7 chữ cái)

Câu 6: Dòng sông là trái tim của Ai Cập? (4 chữ cái)

Câu 7: Tôn giáo cổ xưa nhất của Ấn Độ ra đời từ thiên niên kỉ I TCN? (7 chữ cái)

Câu 8: Chữ số đặc biệt nhất trong dãy số tự nhiên của Ấn Độ? (7 chữ cái)

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Dự kiến sản phẩm

Nhiệm vụ 1:

GHÉP THẺ LĨNH VỰC

Điền chữ cái thích hợp vào ô trống để ghép đúng nội dung với lĩnh vực.

NỘI DUNG	LĨNH VỰC
☐ 1. Hìn-đu giáo	☐ A Nghệ thuật
☐ 2. Bra-mi	☐ B Toán học
☐ 3. Ra-ma-y-a-na	☐ C Chữ viết
☐ 4. Chùa, tháp Phật giáo	☐ D Y – Dược học
☐ 5. Số pi 3,1416	☐ E Văn học
☐ 6. Phẫu thuật lấy sỏi thận	☐ F Tôn giáo

Nhiệm vụ 2:**Câu 1:** Ai Cập**Câu 2:** Sông Hằng**Câu 3:** Vindhya**Câu 4:** Kim tự tháp**Câu 5:** Đẳng cấp**Câu 6:** Nile**Câu 7:** Balamon**Câu 8:** Số không**HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**

a. Mục tiêu: Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

b. Nội dung: học sinh có thể làm bài tập ở nhà bằng phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

+ NLS 3.1.NC1a: Tạo được nội dung số phục vụ học tập bằng cách kết hợp nhiều dạng dữ liệu (văn bản, hình ảnh, âm thanh, video...) phù hợp với mục đích truyền tải thông tin.

HS biết khai thác tư liệu số về công trình kiến trúc của nền văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại; lựa chọn, kết hợp văn bản và hình ảnh để thiết kế sản phẩm số (slide, Canva, video...) và thực hiện phần giới thiệu trong vai hướng dẫn viên du lịch.

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

Trong vai một hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu một công trình kiến trúc tiêu biểu của nền văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: HS trình bày

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

Ngày soạn.....

Ngày dạy.....

Bài 4: KHÁI NIỆM VĂN MINH. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG ĐÔNG THỜI KÌ CỔ-TRUNG ĐẠI (T3)

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Nêu được thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Trung Hoa về chữ viết, văn học nghệ thuật, sử học khoa học tự nhiên, y học, thiên văn học, lịch pháp, tư tưởng, tôn giáo.

2. Năng lực

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Biết cách sưu tầm khai thác và sử dụng tư liệu quy ước, tư liệu hiện vật, tranh ảnh, sơ đồ... để tìm hiểu nền văn minh văn minh Trung Hoa thời cổ - trung đại.

- Năng lực số:

+ **NLS 3.1.NC1a:** Tạo nội dung số từ dữ liệu, thông tin và nội dung số để phục vụ học tập.

3. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm, góp phần bảo tồn những thành tựu văn minh thế giới

- Nhân ái: Trân quý những cống hiến mang tính tiên phong và bảo vệ nhưng giá trị văn hóa của nhân loại.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án theo định hướng phát triển năng lực HS

- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10

- Bảng phụ, máy trình chiếu, ...

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Chuẩn bị bài học mới theo sự hướng dẫn của GV ở tiết trước.

III. Tiến trình dạy học:

Hoạt động 1. Khởi động.

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS. Tạo tâm thế học HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để

trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

GV cho HS xem video AI về đồng vai hướng dẫn viên du lịch tham quan Trung Quốc và đặt câu hỏi.



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Văn minh Trung hoa cổ - trung đại là một trong những nền văn minh phát triển rực rỡ ở phương Đông. Khám phá bài học sẽ giúp em hiểu một nền văn minh hình thành cách ngày nay khoảng 5000 năm lại có thể đạt được nhiều thành tựu quan trọng có giá trị và đóng góp to lớn đối với lịch sử văn minh thế giới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2. Một số nền văn minh phương Đông thời cổ – trung đại

***Văn minh Trung Hoa thời cổ – trung đại**

a. Mục tiêu: - Nêu được thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Trung Hoa về chữ viết, văn học nghệ thuật, sử học khoa học tự nhiên, y học, thiên văn học, lịch pháp, tư tưởng, tôn giáo.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin SGK

c. Sản phẩm: HS xem SGK và tiếp thu kiến thức

d. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến	NLS														
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập Nhiệm vụ 1: GV chia HS Lớp chia thành 4 nhóm: xem đoạn video và Hoàn thành nhiệm vụ học tập sau  Nhiệm vụ 2: cá nhân <table><tr><th>Nhận định</th><th>Đúng/Sai</th></tr><tr><td>1. Văn minh Trung Hoa gắn liền với Hoàng Hà và Trường Giang.</td><td></td></tr><tr><td>2. Nho giáo, Đạo giáo, Pháp gia là những học thuyết có ảnh hưởng lớn ở Trung Hoa.</td><td></td></tr><tr><td>3. Chữ Hán hình thành ngay từ đầu giống hệt chữ Hán ngày nay.</td><td></td></tr><tr><td>4. Đường thi là một thành tựu tiêu biểu của văn học Trung Hoa.</td><td></td></tr><tr><td>5. Người Trung Hoa không có thành tựu đáng kể về y học.</td><td></td></tr><tr><td>6. Giấy, kĩ thuật in, thuốc súng, la bàn là bốn phát minh lớn của Trung Hoa.</td><td></td></tr></table> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. GV cung cấp tư liệu  <td> 2. Một số nền văn minh phương Đông thời cổ – trung đại c. Văn minh Trung Hoa thời cổ – trung đại - Nền văn minh Trung Hoa đã đạt được nhiều thành tựu trên nhiều lĩnh vực. - Những thành tựu của văn minh Trung Hoa đã để lại nhiều dấu ấn và ảnh hưởng trong lịch sử nhân loại, đặc biệt là đối với khu vực Đông Á. </td> <td> + 1.2.NC1b: Tiến hành đánh giá được các dữ liệu, thông tin và nội dung số khác nhau. + 2.4.NC1a: Đề xuất được các công cụ và công nghệ số khác nhau cho các quá trình hợp tác. </td>	Nhận định	Đúng/Sai	1. Văn minh Trung Hoa gắn liền với Hoàng Hà và Trường Giang.		2. Nho giáo, Đạo giáo, Pháp gia là những học thuyết có ảnh hưởng lớn ở Trung Hoa.		3. Chữ Hán hình thành ngay từ đầu giống hệt chữ Hán ngày nay.		4. Đường thi là một thành tựu tiêu biểu của văn học Trung Hoa.		5. Người Trung Hoa không có thành tựu đáng kể về y học.		6. Giấy, kĩ thuật in, thuốc súng, la bàn là bốn phát minh lớn của Trung Hoa.		2. Một số nền văn minh phương Đông thời cổ – trung đại c. Văn minh Trung Hoa thời cổ – trung đại - Nền văn minh Trung Hoa đã đạt được nhiều thành tựu trên nhiều lĩnh vực. - Những thành tựu của văn minh Trung Hoa đã để lại nhiều dấu ấn và ảnh hưởng trong lịch sử nhân loại, đặc biệt là đối với khu vực Đông Á.	+ 1.2.NC1b: Tiến hành đánh giá được các dữ liệu, thông tin và nội dung số khác nhau. + 2.4.NC1a: Đề xuất được các công cụ và công nghệ số khác nhau cho các quá trình hợp tác.
Nhận định	Đúng/Sai															
1. Văn minh Trung Hoa gắn liền với Hoàng Hà và Trường Giang.																
2. Nho giáo, Đạo giáo, Pháp gia là những học thuyết có ảnh hưởng lớn ở Trung Hoa.																
3. Chữ Hán hình thành ngay từ đầu giống hệt chữ Hán ngày nay.																
4. Đường thi là một thành tựu tiêu biểu của văn học Trung Hoa.																
5. Người Trung Hoa không có thành tựu đáng kể về y học.																
6. Giấy, kĩ thuật in, thuốc súng, la bàn là bốn phát minh lớn của Trung Hoa.																

CHỮ VIẾT TRUNG HOA

1 NGUỒN GỐC VÀ PHÁT TRIỂN

Thời nhà Thương → Chữ giáp cốt (chữ trên mai rùa, xương thú) → Kim văn (trên đồ đồng) → Nhiều lần chỉnh lí, phát triển → Chữ Hán ngày nay

2 VAI TRÒ

Công cụ ghi chép
Phục vụ công tác văn thư
Lưu giữ tri thức và văn hóa

3 NGHỆ THUẬT VÀ ẢNH HƯỞNG

4 NGHỆ THUẬT TẠO PHÁP
1 ĐƠN HỮU ĐƠN CÁC QUỐC GIA KHÁC
viết bản
truyền tải
viết nam

CHỮ VIẾT TRUNG HOA LÀ THÀNH TỰU VĂN MINH QUAN TRỌNG, VỪA LÀ CÔNG CỤ GIAO TIẾP, LƯU GIỮ TRI THỨC, VỪA LÀ NGHỆ THUẬT VÀ CÓ ẢNH HƯỞNG RỘNG LỚN Ở CHÂU Á.

HỘI HỌA TRUNG HOA

Đặc điểm nổi bật

1

Đa dạng về đề tài, nội dung và phong cách

2

Chất liệu phong phú: gỗ, lụa, giấy...

3

Phong cách ước lệ, giàu tính biểu cảm

4

Dùng đường nét để miêu tả hình ảnh, thể hiện tính cách

5

Tạo nên dấu ấn riêng biệt của hội họa Trung Hoa

KHOA HỌC, KỸ THUẬT TRUNG HOA

1 TOÁN HỌC

- Công hệ số đếm thập phân
- Tính được tích hình phẳng, thể tích hình khối
- Tính số giờ (1) chính xác tới 7 chữ số thập phân
- Phát minh bản tính

2 THIÊN VĂN HỌC

- Ghi chép sớm về nhật thực, nguyệt thực
- Quan sát nhiều hiện tượng thiên văn
- Đặt ra lịch pháp và đời sống và sản xuất

KHOA HỌC, KỸ THUẬT TRUNG HOA

3 Y - DƯỢC HỌC

- Chẩn đoán và chữa bệnh bằng thuốc
- Chẩn cứu, giải phẫu
- Danh y nổi tiếng: Hoa Đà, Trương Trọng Cảnh

4 SỬ HỌC

- Phong phú về hình thức, thể loại, nội dung
- Tác phẩm tiêu biểu: "Kiến Thư"
- "Bửu Xỉ" của Tư Mã Thiên
- Là di sản văn hóa quý báu

5 BỐN PHÁT MINH LỚN

LÀM GIẤY VĨ THUYẾT IN THUỐC SÚNG LA BÀN

Khoa học, kỹ thuật Trung Hoa đạt nhiều thành tựu rực rỡ, góp phần quan trọng vào kho tàng văn minh nhân loại.

TỨ ĐẠI PHÁT MINH

1 Giấy

Giúp việc ghi chép, học tập và truyền bá tri thức thuận lợi hơn.

2 Kỹ thuật in

Giúp sách vở được in nhanh, phổ biến kiến thức rộng rãi.

3 La bàn

Hỗ trợ xác định phương hướng, thúc đẩy hàng hải và giao lưu buôn bán.

4 Thuốc súng

Ban đầu dùng trong lễ hội, sau được sử dụng trong quân sự, làm thay đổi cách chiến đấu.

Kết luận:

Tứ đại phát minh của Trung Quốc là giấy, kỹ thuật in, la bàn và thuốc súng. Đây là những thành tựu kỹ thuật quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của văn minh nhân loại.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

Dự kiến sản phẩm

Nhiệm vụ 1:

Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu		
Tư tưởng, tôn giáo	Nho giáo, Đạo giáo, Mặc gia, Pháp gia, Âm dương, Ngũ hành; Phật giáo du nhập		
Chữ viết	Giáp cốt văn, kim văn, chữ Hán, thư pháp		
Văn học	Đường thi; tiểu thuyết Minh – Thanh như <i>Tam quốc diễn nghĩa</i> , <i>Tây du kí</i>		
Kiến trúc, điêu khắc	Vạn Lý Trường Thành, Tử Cấm Thành, Di Hoà Viên		
Hội hoạ	Tranh trên gỗ, lụa, giấy; phong cách ước lệ		
Khoa học, kĩ thuật	Toán học, thiên văn, y dược, sử học, bốn phát minh lớn		
Nhiệm vụ 2:			
	Nhận định	Đúng/Sai	
1. Văn minh Trung Hoa gắn liền với Hoàng Hà và Trường Giang.		Đúng	
2. Nho giáo, Đạo giáo, Pháp gia là những học thuyết có ảnh hưởng lớn ở Trung Hoa.		Đúng	
3. Chữ Hán hình thành ngay từ đầu giống hệt chữ Hán ngày nay.		Sai	
4. Đường thi là một thành tựu tiêu biểu của văn học Trung Hoa.		Đúng	
5. Người Trung Hoa không có thành tựu đáng kể về y học.		Đúng	
6. Giấy, kĩ thuật in, thuốc súng, la bàn là bốn phát minh lớn của Trung Hoa.		Đúng	
Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập			
GV Nhận xét nội chuẩn hóa kiến thức cho HS			

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

- a. **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức vừa tìm hiểu.
- b. **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.
- c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

GV tổ chức trò chơi kéo co: Các em học sinh sẽ trả lời câu hỏi để giúp đội mình kéo thắng đội bạn. Mỗi câu trả lời đúng trong thời gian quy định sẽ giúp đội mình thắng 1 hiệp. Trường hợp cả hai đội không trả lời đúng sẽ coi như hòa. Hiệp đó không tính vào số hiệp thắng. Kết thúc trò chơi đội nào có số hiệp thắng nhiều hơn (tương đương với trả lời đúng nhiều câu hỏi hơn) sẽ là đội chiến thắng.



Câu 1: Chủ nhân đầu tiên của nền văn minh Trung Hoa là dân tộc nào?

- A. Người Hoa Hạ
- B. Người Choang.
- C. Người Mãn
- D. Người Mông Cổ

Câu 2: Loại chữ cổ nhất của người Trung Quốc là:

- A. Chữ Hán
- B. Chữ La tinh
- C. Chữ giáp cốt, kim văn
- D. Chữ Phạn

Câu 3: Thành tựu nào dưới đây KHÔNG thuộc “tứ đại phát minh” về kĩ thuật của người Trung Quốc thời kỳ cổ trung đại

- A. Kĩ thuật làm giấy
- B. Kĩ thuật làm lịch
- C. Thuốc súng
- D. La bàn

Câu 4: Tư tưởng tôn giáo nào trở thành hệ tư tưởng phục vụ cho chế độ phong kiến Trung Quốc?

- A. Thiên Chúa giáo
- B. Hồi giáo
- C. Đạo Phật
- D. Nho giáo

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	A	C	B	D

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

b. Nội dung: học sinh có thể làm bài tập ở nhà bằng phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS:

- Tìm kiếm thông tin và hình ảnh từ sách báo và internet, hãy viết đoạn văn ngắn giới thiệu về một công trình kiến trúc của Trung Quốc thời cổ - trung đại mà em ấn tượng nhất.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS tìm kiếm và chọn lọc thông tin, hình ảnh từ các nguồn đáng tin cậy.

- HS tổng hợp các thông tin tiêu biểu về lịch sử, kiến trúc và giá trị của công trình.

- HS sử dụng công cụ số (Word, Google Docs, Canva...) để biên soạn đoạn văn và trình bày hình ảnh minh họa.

Bước 3: HS trình bày

- HS trình bày hoặc chia sẻ đoạn văn cùng hình ảnh minh họa trước lớp.

- HS giới thiệu được những nét đặc sắc của công trình kiến trúc đã lựa chọn.

- HS tiếp thu góp ý và hoàn thiện sản phẩm.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.